SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN LÃNG; 14/01/2026; 9:42:30 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN LÃNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1208 /QĐ-UBND	*Tiên Lãng, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Tiên Lãng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN LÃNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Lãng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã Tiên Lãng năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Tiên Lãng *(theo các biểu kèm theo Quyết định này)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- TT ĐU xã;
- TT HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Giang

UBND XÃ TIÊN LÃNG Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

(Kèm Quyết định số 1208 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tiên Lãng)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**263.129**	**TỔNG SỐ CHI**	**263.129**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	7.310	I. Chi đầu tư phát triển	-
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	62.161	II. Chi thường xuyên	257.970
III. Thu bổ sung	193.658	III. Dự phòng	5.159
- Bổ sung cân đối	192.578		
- Bổ sung có mục tiêu	1.080		
IV. Thu chuyển nguồn			

UBND XÃ TIÊN LÃNG Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Tiên Lãng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	**319.308**	**263.129**
I	**Các khoản thu 100%**	**7.310**	**7.310**
1	Phí, lệ phí	1.700	1.700
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.800	1.800
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.060	2.060
4	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.750	1.750
5	Thu khác		-
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**118.340**	**62.161**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	95.220	51.357
-	*Thuế giá trị gia tăng*	*30.500*	*16.470*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*	*64.600*	*34.884*
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt*	*5*	*3*
-	*Thuế tài nguyên*	*115*	-
2	Lệ phí trước bạ	16.200	8.100
3	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	6.600	2.640
4	Thu khác ngân sách	320	64
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**193.658**	**193.658**
1	Thu bổ sung cân đối	192.578	192.578
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080	1.080

UBND XÃ TIÊN LÃNG

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Tiên Lãng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**263.129**	0	**263.129**
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	135.594		135.594
2	Chi khoa học và công nghệ	390		390
3	Chi an ninh, quốc phòng	8.029		8.029
4	Chi y tế, dân số và gia đình	6.443		6.443
5	Chi văn hóa thông tin	5.137		5.137
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	360		360
7	Chi thể dục thể thao	415		415
8	Chi bảo vệ môi trường	1.374		1.374
9	Chi các hoạt động kinh tế	12.957		12.957
10	Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể	38.701		38.701
11	Chi bảo đảm xã hội	47.287		47.287
12	Chi khác	1.283		1.283
13	Dự phòng ngân sách	5.159		5.159

Ghi chú: Tổng chi thường xuyên đã bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương là 5,628 triệu đồng.